

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2024

V/v: *Không công nhận quan hệ vợ
chồng*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái

Bà Võ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2024 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng L; Sinh ngày: 19/3/1970; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố A, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T; Sinh ngày: 22/02/1967; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố A, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Hồng L trình bày:

Bà Phan Thị Hồng L và ông Nguyễn Hữu T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay. Tháng 4/1989 bà L và ông T đã đến Ủy ban nhân dân phường B để làm thủ tục đăng ký kết hôn và được hẹn sau 07 ngày phải đến hoàn tất thủ tục để cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng sau đó vợ chồng không đến hoàn tất thủ tục nên chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn do chồng ngoại tình và đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Bà L xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Phan Thị Hồng L và ông Nguyễn Hữu T có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu Đ sinh ngày 02/10/1989 và Nguyễn Thị Hạnh D sinh ngày 06/01/2001.

Hai con đều đã trưởng thành, có việc làm và thu nhập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Về thời gian tổ chức lễ cưới, chung sống, việc đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng thống nhất như trình bày của bà L. Ông T xác nhận không còn tình cảm với bà L nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông T thống nhất như trình bày của bà L.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Hồng L và ông Nguyễn Hữu T.

+Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị Hồng L khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T (có hộ khẩu thường trú tại: thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hồng L và ông Nguyễn Hữu T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng chưa hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B nên không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, trong sổ đăng ký kết hôn của phường B từ năm 1982 đến nay không có tên bà Phan Thị Hồng L và ông Nguyễn Hữu T. Như vậy, ông T và bà L đã chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, điều này được cả bà L, ông T và Ủy ban nhân dân phường B xác nhận, nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không có giá trị về mặt pháp lý. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Hồng L và ông Nguyễn Hữu T.

[3] Về con chung: Bà Phan Thị Hồng L và ông Nguyễn Hữu T có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu Đ sinh ngày 02/10/1989 và Nguyễn Thị Hạnh D sinh ngày 06/01/2001. Hai con đều đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Hồng L và ông Nguyễn Hữu T.

2. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Hồng L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001064 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền

